

Bản án số: 255/2022/HS-PT  
Ngày: 20-6-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Ngọc Thắng

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Phan Thanh Nguyễn
2. Ông Lê Công Huân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê N1 Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 163/2022/HSPT ngày 18 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ và kháng cáo của bị hại Phạm Thị Thu T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2022/HS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Bị cáo kháng cáo:***

**Nguyễn Văn Đ;** Giới tính: Nam; Sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 927 P, phường P1, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 935/5B P, phường P1, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Đ1 và con bà Đ2; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

***- Bị hại kháng cáo:***

Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1988; Địa chỉ: 5/5 đường V, Phường V4, Quận V3, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 404/46 C, Phường C4, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa).

***- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:***

1. Luật sư N, thuộc Đ Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, là Chi Hội trưởng Chi hội luật sư – Hội bảo vệ quyền và trẻ em tại Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa).

2. Luật sư R, thuộc Đ Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - Luật sư Hội bảo vệ quyền và trẻ em tại Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 ngày 14/10/2020, Nguyễn Văn Đ gọi điện thoại cho bà N1, là người sống chung như vợ chồng với Đ để nói chuyện về con cái và hai bên xảy ra cãi nhau trong điện thoại. Lúc này, bà N1 đang ngồi chơi với bà Phạm Thị Thu T (là người trước đây chung sống như vợ chồng và có 01 con chung với Đ), ngoài ra còn có bà N2 và bà N3. Khi nói chuyện với Đ, bà N1 có mở loa ngoài của điện thoại, Đ nghe bà T có lời lẽ xúc phạm đến Đ nên giữa bà T và Đ cãi nhau và bà T nói “*chuyện của gia đình mày tao không quan tâm*”.

Sau khi kết thúc cuộc nói chuyện bằng điện thoại, do Nguyễn Văn Đ và bà Thu T đã có mâu thuẫn với nhau từ trước nên Đ điều khiển xe máy biển số 59CB- 041.29 đi đến nhà bà N1 tại địa chỉ: số 944/69 P, Khu phố P4, phường P1 Quận P2 để gặp bà T. Khi đến nơi thì Đ chỉ tay vào mặt bà T nói “*mày làm gì chứ tao, liên quan gì đến mày*”. Thấy bị cáo Đ nóng giận nên bà N1 và bà N3 bế con chạy về nhà. Sau đó, Đ cầm ly thủy tinh trên bàn, đập thẳng vào vùng mặt của bà T, trúng vào trán gây thương tích chảy máu, thấy vậy nên Đ đã bỏ đi, còn bà T được bà N2 đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện 115, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 20/10/2020, bà T xuất viện và đến Công an phường Tân Phú, Quận 7 trình báo.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1067/TgT.20 ngày 18/11/2020, của Trung tâm pháp y, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương trán trái gây rách da, vỡ xoang trán đã được điều trị khâu vết thương, hiện còn sẹo rõ kích thước 4x(0,1-0,3) cm tại trán ngay vùng trên trong mày trái.

Theo thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12%.

Thương tích do vật tày, vật có cạnh tác động gây ra, không nguy hiểm đến tính mạng đương sự.

Ngày 17/01/2022, Nguyễn Văn Đ đã bồi thường cho bà T số tiền 15.000.000 đồng, bao gồm tiền thuốc điều trị vết thương và tiền tổn thất danh dự, tinh thần.

Ngày 21/01/2022 Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vụ án ra xét xử và tuyên án theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2022/HS-ST. Theo đó đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, ngày 21/01/2022 bị hại Phạm Thị Thu T có đơn kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Đ. Đến ngày 24/01/2022 bị cáo Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận hành vi như bản án hình sự sơ thẩm đã nêu, đồng thời bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị hại Phạm Thị Thu T giữ nguyên kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại: với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng cho bị cáo, đó là điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì mức án 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là tương xứng và phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và bị hại không xuất trình thêm chứng cứ gì để xem xét cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư N trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Thu T trình bày: Luật sư thống nhất tội danh và khung hình phạt mà Tòa án nhân dân Quận 7 đã xét xử đối với bị cáo, nhưng không đồng ý với mức án sơ thẩm đã tuyên. Luật sư cho rằng bị cáo có hành vi cầm ly thủy tinh là hung khí nguy hiểm đánh thẳng vào mặt bị hại gây thương tích 12%, sau khi đánh bị hại thì bị cáo không đưa bị hại đi cấp cứu và từ đó đến nay bị cáo không có lời xin lỗi bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

- Luật sư R thống nhất với quan điểm bảo vệ của Luật sư N.
- Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bị cáo gây thương tích 12% đối với bị hại nhưng do đã dùng hung khí nguy hiểm nên bị cáo bị truy tố, xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì mức án 02 năm tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm.
- Các Luật sư giữ nguyên quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 22 giờ 30 ngày 14/10/2020, Nguyễn Văn Đ gọi điện thoại cho bà Huỳnh Thị Sơn N1 và xảy ra cãi nhau. Lúc này, bà N1 đang ngồi chơi với bà Phạm Thị Thu T, bà N2 và bà N3. Khi nói chuyện qua điện thoại, bà N1 mở loa ngoài thì Đ nghe bà T có lời lẽ xúc phạm đến Đ nên giữa bà T với Đ cãi nhau và bà T nói “*chuyện của gia đình mày tao không quan tâm*”.

Sau đó, Đ điều khiển xe máy biển số XX đi đến nhà bà N1 tại địa chỉ: số 944/69 P, Khu phố P4, phường P1, Quận P2 để gặp bà T. Khi đến nơi thì Đ chỉ tay vào mặt bà T nói “*mày làm gì chứ tao, liên quan gì đến mày*” thì bà N1 và bà N3 bế con chạy về nhà. Tiếp đó, Đ cầm ly thủy tinh trên bàn đập thẳng vào vùng mặt của bà T, trúng vào trán bà T gây thương tích chảy máu rồi Đ bỏ đi, còn bà T được bà N2 đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện 115, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 20/10/2020, bà T xuất viện và đến Công an phường Tân Phú, Quận 7 trình báo.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm pháp y, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với bà Phạm Thị Thu T là 12%.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, ngày 21/01/2022 bị hại Phạm Thị Thu T có đơn kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Đ, đến ngày 24/01/2022 bị cáo Nguyễn Văn Đ làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị hại và đơn kháng cáo của bị cáo đều làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ chỉ vì một chút mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống nhưng bị cáo đã thực hiện hành vi dùng ly thủy tinh tấn công bị hại gây tỷ lệ tổn

thương cơ thể của bị hại 12% nên cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng để xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị hại Phạm Thị Thu T đều không xuất trình tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét cho yêu cầu kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại. Xét thấy, với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên thì mức án 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là tương xứng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và không chấp nhận lời trình bày của các Luật sư tại phiên tòa.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 345; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Thị Thu T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 7; (1)
- P.PC 53- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị hại; (1)
- Luật sư; (1)
- THA Quận 7; (2)
- TAND Quận 7; (2)
- Công an Quận 7; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (22) (4)

**Ngô Ngọc Thắng**